TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP - KHÓA 2019

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																											TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
1	DH91902699	Hồ Nguyễn Mỹ	An	D19_TK01																												7.50	7.50	22/22	8/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
2	DH91905622	Lưu Đức	Anh	D19_TK01																												3.86	3.86	11/22	4/8	CCHV_1	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH19
3	DH91900830	Ngô Thùy Minh	Anh	D19_TK01																												0.59	0.59	0/22	0/8	CCHV_1	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH19
4	DH91902778	Trương Đình	Ân	D19_TK01																												6.73	6.73	20/22	7/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
5	DH91903201	Lâm Gia	Bảo	D19_TK01																												3.82	3.82	13/22	5/8	CCHV_1	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH19
6	DH91803785	Lê Nhật	Bảo	D19_TK01																									5.45			1.63	3.59	20/22	8/8	CCHV_1	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH18
7	DH91902178	Phạm Huy	Bình	D19_TK01																												5.73	5.73	20/22	7/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
8	DH91901604	Trần Châu Chí	Cường	D19_TK01																												5.27	5.27	18/22	6/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
9	DH91902339	Võ Duy	Dương	D19_TK01																												7.18	7.18	20/22	7/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
10	DH91801696	Nguyễn Hữu	Đạt	D19_TK01																									5.07	0.00		0.36	1.36	10/22	4/8	CCHV_2	NoHP	DKMH	DC	DH18
11	DH91905315	Nguyễn Tấn	Đạt	D19_TK01																												6.05	6.05	20/22	7/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
12	DH91903473	Lê Tí	Gòn	D19_TK01																												6.95	6.95	22/22	8/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
13	DH91900198	Lê Ngọc	Hải	D19_TK01																												6.36	6.36	20/22	7/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
14	DH91905262	Lý Ngọc	Hân	D19_TK01																												7.45	7.45	22/22	8/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
15	DH91900315	Trương Thị Ngọc	Hân	D19_TK01																												6.23	6.23	20/22	7/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
16	DH91903548	Nguyễn Văn	Hậu	D19_TK01																												8.05	8.05	22/22	8/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
17	DH91902145	Diệp Gia	Hiếu	D19_TK01																												5.77	5.77	20/22	7/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
18	DH91902464	Nguyễn Thị	Hoài	D19_TK01																												1.64	1.64	0/22	0/8	CCHV_1	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH19
19	DH91901372	Bùi Phan Phụng	Hoàng	D19_TK01																												6.95	6.95	20/22	7/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
20	DH91905294	Nguyễn Lê Huy	Hoàng	D19_TK01																												6.09	6.09	16/22	6/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
21	DH91905593	Phạm Vũ Phú	Hoàng	D19_TK01																												4.59	4.59	14/22	5/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
22	DH91902569	Nguyễn Văn Trường	Huy	D19_TK01																												6.64	6.64	20/22	7/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
23	DH91903681	Phan Văn Quốc	Huy	D19_TK01																												7.05	7.05	22/22	8/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
24	DH91905583	Hoàng Ngọc Bảo	Khánh	D19_TK01																												8.00	8.00	22/22	8/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
25	DH91902388	Phạm Đăng	Khoa	D19_TK01																												5.45	5.45	20/22	7/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
26	DH91900385	Trần Đăng	Lân	D19_TK01																												5.55	5.55	20/22	7/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
27	DH91900058	Lê Phạm Thanh	Loan	D19_TK01																												7.27	7.27	22/22	8/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
28	DH91905151	Nguyễn Lê Minh	Long	D19_TK01																												4.59	4.59	14/22	5/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
29	DH91901094	Lưu Dương	Lý	D19_TK01																												6.32	6.32	20/22	7/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
30	DH91902483	Nguyễn Đăng Quốc	Minh	D19_TK01																												5.59	5.59	17/22	6/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
31	DH91902893	Thái Ngọc Gia	Nghi	D19_TK01																												5.41	5.41	17/22	6/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
32	DH91904106	Nguyễn Khôi	Nguyên	D19_TK01																												7.05	7.05	20/22	7/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
33	DH91904167	Nguyễn Thảo	Nhi	D19_TK01																												7.68	7.68	20/22	7/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
34	DH91900483	Võ Thanh	Nhi	D19_TK01																												6.41	6.41	22/22	8/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
35	DH91905448	Huỳnh Thuận	Nhơn	D19_TK01																												6.45	6.45	22/22	8/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
36	DH91902486	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	D19_TK01																												0.36	0.36	0/22	0/8	CCHV_1	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH19
37	DH91904196	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	D19_TK01																												7.00	7.00	22/22	8/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
38	DH91904286	Nguyễn Mai	Phương	D19_TK01																												6.73	6.73	20/22	7/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
39	DH91904313	Hà Minh	Quân	D19_TK01																												5.59	5.59	17/22	6/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
40	DH91901338	Nguyễn Hồng	Quân	D19_TK01																												6.68	6.68	22/22	8/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
41	DH91901448	Lê Như	Quỳnh	D19_TK01																												7.27	7.27	22/22	8/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
42	DH91905187	Vòng Tuyền	Sương	D19_TK01																												5.95	5.95	20/22	7/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
43	DH91902318	Nguyễn Nhựt	Thành	D19_TK01																												5.27	5.27	14/22	5/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

BẬC ĐẠI HỌC - NGÀNH THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP - KHÓA 2019

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																										TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2019 - 2020)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	182	183	191	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
(A00)	(B01)	(B02)		(B03)	(C01)	(C02)	(C03)	(C04)	(C05)	(C06)	(C07)	(C08)	(C09)	(C10)	(C11)	(C12)	(C13)	(C14)	(C15)	(C16)	(C17)	(C18)	(C19)	(C20)	(C21)	(C22)	(C23)	(C24)	(C25)	(C26)	(C27)	(C28)	(D01)	(D02)	(D03)	(E01)	(E02)	(E03)	(E04)	(F00)
44	DH91902668	Lâm Hồ Ngọc	Thiện	D19_TK01																												3.41	3.41	9/22	3/8	CCHV_1	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH19
45	DH91801207	Phan Kim	Thoại	D19_TK01																									3.64	3.50	4.43	6.30	5.16	37/22	15/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH18
46	DH91902084	Lâm Nguyễn Minh	Thư	D19_TK01																												0.82	0.82	0/22	0/8	CCHV_1	KoNoHP	DKMH	CCHV	DH19
47	DH91905048	Lý Thị Thu	Trinh	D19_TK01																												6.64	6.64	22/22	8/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
48	DH91900387	Bùi Tín	Trung	D19_TK01																												5.82	5.82	19/22	7/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
49	DH91900800	Nguyễn Phương	Tuyền	D19_TK01																												7.09	7.09	22/22	8/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
50	DH91902708	Đỗ Thị Thanh	Vân	D19_TK01																												6.14	6.14	20/22	7/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
51	DH91900656	Trần Thị Thu	Vân	D19_TK01																												7.09	7.09	22/22	8/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
52	DH91905591	Đoàn Tuấn	Việt	D19_TK01																												4.68	4.68	14/22	5/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
53	DH91900033	Hồ Nguyễn Huy	Vũ	D19_TK01																												6.05	6.05	20/22	7/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
54	DH91905102	Ng Trần Hoàng Trúc	Vy	D19_TK01																												7.05	7.05	22/22	8/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19
55	DH91903043	Nguyễn Thị Thu	Yến	D19_TK01																												6.41	6.41	20/22	7/8		KoNoHP	DKMH	ĐẠT	DH19

Lưu ý: **- Điểm trung bình được tính đến ngày 02/04/2020 (trong đó không tính điểm môn Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất).**
- Phòng Đào tạo nhận đơn (trực tiếp hoặc qua email: pdaotao.stu@gmail.com) và giải quyết các vấn đề học vụ trong khoảng thời gian từ Thứ Hai, ngày 06/04/2020 đến hết Thứ Năm, ngày 09/04/2020.
- Quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ xử lý học vụ theo quy định.

Ghi chú: Cột (C01) đến cột (C28): - Điểm trung bình học kỳ
- Ký hiệu học kỳ: 3 ký tự - dạng số

Ví dụ:
101 năm học 2010 - 2011 học kỳ 1
102 năm học 2010 - 2011 học kỳ 2
103 năm học 2010 - 2011 học kỳ hè
111 năm học 2011 - 2012 học kỳ 1

Cột (D01): Điểm trung bình tích lũy
Cột (D02): Số tín chỉ tích lũy/ Số tín chỉ chương trình đào tạo thực hiện
Cột (D03): Số môn học tích lũy/ Số môn học chương trình đào tạo thực hiện

Qui ước:
[1] NoHP: Nợ học phí
[2] KoDKMH: Không đăng ký môn học
[3] CCHV: Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
[4] BTH: Buộc thôi học
[5] CB_BTH: Cảnh báo buộc thôi học
[6] CB_TGIAN: Cảnh báo hết thời gian học tập
[7] DC: Đình chỉ học tập
[8] TH_QHAN: Xóa tên vì hết thời gian học tập
[9] NGHIHOC: Nghỉ học vì lý do cá nhân
[10] TDUNG: Tạm dừng vì lý do cá nhân
[11] DC & CB_TGIAN: Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh
[*] Sinh viên có tên trong danh sách đang chờ xét tốt nghiệp

Tp. HCM, ngày 06 tháng 04 năm 2020

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
Nguyễn Thị Minh Trúc	**ThS. Lê Thị Ngọc Phượng**	**PGS, TS. Cao Hào Thi**